TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T**, sinh năm: 1984. (Có mặt)
HKTT: Ấp 3, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở: Tổ 5, ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Bị đơn: **Ông Hoàng Quốc V**, sinh năm: 1978. (Có mặt)
HKTT: Ấp 3, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở: Tổ 7, ấp 2 Đ, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Lê Thị T trình bày:

Bà T xây dựng gia đình với ông V vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T và ông V không hợp nhau về tính tình, về lối sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung từ đó vợ chồng thường phát sinh cãi vã, ngoài ra ông T còn hay nhậu nhẹt và có lời lẽ xúc phạm bà T, bà T và ông V không tự giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng lớn, bà T đã cho ông V nhiều cơ hội nhưng tình hình vẫn không có gì thay

đổi. Bà T và ông V ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên Hoàng Lê Bảo C, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng Lê Minh H, sinh ngày 23/01/2011, hiện các con đang sống với bà T. Cháu C bị bệnh chậm phát triển tâm thần, liệt ½ người trái không thể tự nuôi sống bản thân nhưng bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn – Ông Hoàng Quốc V trình bày:

Về thời gian đều kiện và hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày là đúng, ông V không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông V và bà T bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình về lối sống, từ đó phát sinh cãi vã, ông V cũng hay nhậu nhẹt và cũng có lời lẽ xúc phạm bà T, vợ chồng không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông V và bà T ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà T thì ông V không đồng ý ly hôn vì ông V còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Hoàng Lê Bảo C, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng Lê Minh H, sinh ngày 23/01/2011, hiện 02 cháu đang sống với bà T. Cháu C bị bệnh chậm phát triển tâm thần, liệt ½ người trái không thể tự nuôi sống bản thân, trường hợp bà T nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về 02 con chung ông V đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Ông V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp bà T nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông V và bà T tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Hoàng Quốc V, đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Hoàng Quốc V có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V xây dựng gia đình vào năm 2005 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 05 ngày 27/9/2005 tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T và ông V bất đồng quan điểm không hợp nhau về tính tình về lối sống, từ đó phát sinh cãi vã, ông V hay nhậu nhẹt và có lời lẽ xúc phạm bà T, vợ chồng không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông V ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi bà T và ông V sinh sống thì: Tình cảm vợ chồng của bà T và ông V mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau đã lâu, mạnh ai nấy sống.

Xét lời khai của bà T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông V phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ đầu năm 2018 đến nay bà T và ông V ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Bà T đã nhiều lần cho ông V cơ hội sửa sai nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Ông V cho rằng vẫn còn thương yêu vợ con nhưng vẫn không có phương án nào có thể thuyết phục bà T để đoàn tụ vợ chồng, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà T và ông V trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà T vẫn nhất quyết ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông V thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên Hoàng Lê Bảo C, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng Lê Minh H, sinh ngày 23/01/2011, hiện 02 cháu đang sống với bà T. Cháu C bị bệnh chậm phát triển tâm thần, liệt ½ người trái không thể tự nuôi sống bản thân nhưng bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy, mặc dù ông V không đồng ý ly hôn nhưng nếu bà T nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông V vẫn đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, qua xem xét ý kiến của con chung là cháu H cho thấy cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung chưa thành niên, giao cháu C và cháu H cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà T nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Hoàng Quốc V.

2. Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung Hoàng Lê Bảo C, sinh ngày 26/11/2005 và Hoàng Lê Minh H, sinh ngày 23/01/2011. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, ông Hoàng Quốc V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007745 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện XM. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo